

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39 /2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 05 / 05 /2022.

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Dương Văn Na

2- Ông Nguyễn Duy An

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 78/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78 /2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp 1, xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc G, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 46. ấp Tiên Đông, xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

(Chị T yêu cầu xét xử vắng mặt, anh G có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2022, bản tự khai và đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, chị T có lời trình bày như sau:

Chị T và anh Lê Ngọc G tự nguyện kết hôn vào năm 2017 và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, cuộc sống của vợ chồng chị hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị thường xuyên cự cãi. Anh chị đã cố gắng

hàn gắn tình cảm nhưng không được nên đã sống ly thân 03 năm nay. Chị T vẫn sinh sống ở Đồng Nai, còn anh G thì khi đi làm ở Bà Rịa –Vũng Tàu, khi thì sinh sống ở Bến Tre. Trong thời gian ly thân, chị và anh G không có liên lạc, quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Anh G cũng không tới thăm, nuôi con. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh G không còn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G, không yêu cầu anh G cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: có 01 chung tên Lê Ngọc Thế K, sinh ngày 06/11/2017. Hiện cháu đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Ngọc G trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc G nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh G đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh G. Tại phiên tòa anh G có lời trình bày như sau:

Anh thống nhất lời trình bày của chị T về thời điểm anh chị kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh G cho rằng vợ chồng anh chỉ có mâu thuẫn về nơi cư trú. Anh G muốn vợ chồng ở riêng như lúc mới kết hôn, còn chị T thì muốn ở cùng cha mẹ ruột. Hai bên không đạt được thỏa thuận nên vợ chồng anh có cự cãi. Anh chị đã ly thân hơn 1 năm nay. Anh sinh sống và làm việc ở Vũng Tàu, chị T ở Đồng Nai. thỉnh thoảng anh có về Đồng Nai thăm con, có gặp vợ và phụ chị T tiền nuôi con theo khả năng của anh. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Anh không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung, có 01 con chung như chị T trình bày. Hiện con đang ở chung với chị T. Anh đồng ý G con cho chị T nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng anh không có tài sản chung hay nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về tố tụng: Chị T có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn trong đơn khởi kiện cũng như tại bản tự khai, những chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân của chị T, anh G về đời sống chung đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị

Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T. Về con chung: G con chung cho chị T nuôi, chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Do đó, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị Lê Thị T và anh Lê Ngọc G tự nguyện kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/8/2017 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh G phát sinh mâu thuẫn, chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh G; không yêu cầu anh G cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng chị T, anh G hàn gắn tình cảm nhưng anh G đã vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện anh G đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ.

Theo xác minh của Tòa án thể hiện giữa chị T và anh G đã có những mâu thuẫn phát sinh từ lâu. Chị T và anh G đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay.

Tại phiên tòa anh G cũng thừa nhận vợ chồng anh đã ly thân hơn 01 năm nay và anh đồng ý ly hôn với chị T.

Qua đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T đối với anh Lê Ngọc G là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh G có 01 con chung tên Lê Ngọc Thế Khải, sinh ngày 06/11/2017. Chị T yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh G cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu K hiện còn nhỏ và đang sống cùng chị T, có cuộc sống sinh hoạt ổn định. Chị T có nguyện vọng nuôi con. Anh G cũng đồng ý G con cho chị T nuôi.

Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định G cháu K cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho con chung, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh G khai không có nên Tòa án không xét đến.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị T phải nộp.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Ngọc G.

Ghi nhận chị T, anh G không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn

Quan hệ hôn nhân của chị T, anh G chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Lê Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Lê Ngọc Thế K, sinh ngày 06/11/2017. Chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Sau khi ly hôn, anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Chị Lê Thị T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh G khai không có nên Tòa án không xét đến.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Thị T phải nộp là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001431 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P, H. N.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết

